TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA

Bản án số: 16/2019/HNGĐ – ST
Ngày 08/11/2019
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Lương Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Công Ó.

- Bà Lê Thị Bống.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngoãn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2019/TLST – HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2019/QĐXXST – DS, ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Phùng Đức N, sinh năm 1974. Có mặt.

- Bị đơn: bà Hà Thị D, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Đều trú tại bản S, xã Mường B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 08/8/2019 và bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ý kiến tại phiên tòa nguyên đơn ông Phùng Đức N trình bày:

Ông N và bà D kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn vào tháng 10 năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã Mường D, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, tháng nào cũng cãi chửi nhau, hơn nữa do hai vợ chồng ông bà không có con, hai vợ chồng đã cố gắng tìm cách để chữa trị sinh con nhưng không thành.

Mâu thuẫn vợ chồng tôi đã được gia đình hai bên, chính quyền khuyên giải nhưng không được. Từ đầu năm 2019 đến nay thì chúng tôi ly thân nhau, trong thời gian ly thân thì không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Đến nay ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông N kiên quyết xin được ly hôn bà D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Ông N đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị của bà D gửi đến Tòa án ngày 14/10/2019 bà D trình bày: Bà và ông N kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã Mường D, huyện Phù Yên trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do hai bên thường xuyên cãi chửi nhau và cũng một phần do không có con chung. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành.

Bà D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và bà muốn ông N rút đơn để hai vợ chồng đoàn tụ gia đình nhưng nếu ông N vẫn muốn ly hôn thì bà D cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung; Về nợ chung; Tài sản riêng: Không có.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: nguyên đơn ông Phùng Đức N vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn bà D.

Về con chung; nợ chung; Tài sản riêng: Không có.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập mời bà D đến Tòa án để giải quyết nhưng do đi làm ăn xa nên bà D xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71, 72, 207 và 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Phùng Đức N được ly hôn bà Hà Thị D.

Về con chung; Về nợ chung; Tài sản riêng: Không có.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn ông Phùng Đức N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Phùng Đức N và bị đơn bà Hà Thị D đều cư trú tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Hà Thị D xin giải quyết vắng mặt, bà D đã được biết về việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án và được nhận các bản sao tài liệu do ông N gửi, bà D đã có đơn đề nghị ý kiến của mình gửi Tòa án, việc vắng mặt bà D không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại khoản 1 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phùng Đức N và bà Hà Thị D kết hôn với nhau vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường D, huyện Phù Yên trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc nên quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà D là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, hai vợ chồng đã ly thân nhau từ đầu năm 2019 đến nay, trong thời gian ly thân thì không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và Kiểm sát viên đã phân tích, khuyên giải cho ông N suy nghĩ lại và rút yêu cầu ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông N vẫn kiên quyết xin ly hôn bà D.

Bà D vẫn mong muốn đoàn tụ gia đình và mong muốn ông N rút đơn để hai vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu ông N vẫn muốn ly hôn thì bà cũng nhất trí ly hôn để hai bên đi tìm hạnh phúc mới.

Xét thấy: Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của ông N, xử cho ông N được ly hôn bà D.

[4] Về con chung; Nợ chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông N trình bày ý kiến tự thỏa thuận, giải quyết về tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại đơn đề nghị của bà D trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung, nhưng nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ có đề nghị với Tòa án để giải quyết.

Xét thấy: Cả hai ông bà đều có ý kiến tự thỏa thuận về tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau này nếu tranh chấp về tài sản chung thì ông bà có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông Phùng Đức N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Phùng Đức N được ly hôn bà Hà Thị D.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Ông Phùng Đức N phải chịu 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu, quyển số: 075, số 0003745, ngày 12/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Ông N đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 22 điều 70; điều 271; điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015:

- Nguyên đơn ông Phùng Đức N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ngày 08/11/2019;

- Bị đơn bà Hà Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi gửi:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên (2);
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- UBND xã Mường D, huyện Phù Yên;
- Các đương sự (4);
- Lưu HS; AV;

Lê Lương Anh